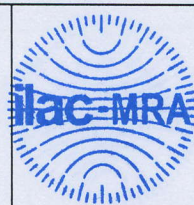




CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

Số: 15/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	61M ₁ 01/16	Nhà máy bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	09/05/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	62M ₁ 01/16	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	09/05/2016 9g30-9g45	
3	63M ₁ 01/16	Công ty Bia Sài Gòn		Nguyễn Thị Cẩm Tú	09/05/2016 8g30-8g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
4	63M ₂ 01/16	77 Nguyễn Tất Thành			09/05/2016 9g00-9g15	
5	63M ₃ 01/16	118 ^A Lê Trung Kiên		Phạm Thị Luyện	09/05/2016 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
6	64B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa			09/05/2016 8g00-8g15	

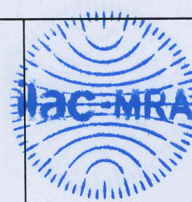
II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				61M ₁ 01/16	62M ₁ 01/16	63M ₁ 01/16	63M ₂ 01/16
1	pH	6,5-8,5		6,86	6,85	6,91	6,83
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,44	0,65	0,64	0,72
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,01	KPH	0,01	KPH
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,47	14,15	14,48	14,15
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	39,81	40,33	40,84	39,30
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	7,20	7,20	6,70	8,90
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,60	0,60	0,70	0,7
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,60	7,20	7,40	6,90
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,26	0,39	0,32
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				63M ₃ 01/16	64B01/16		
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6,87	6,81		
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,81	0,69		
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH	0,01		
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,81	13,81		
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	39,81	39,81		
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH		
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	9,00	6,80		
8	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không		
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,50	0,30		
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,00	7,10		
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH	KPH		
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,26		
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH		
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0,44		

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 16 tháng 05 năm 2016



Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm

Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân

Nguyễn Tấn Thuận